

Tự doanh bán ròng mạnh

Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần vừa qua, thanh khoản trên thị trường ghi nhận hai tuần tăng trưởng liên tiếp. Cụ thể, tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường đạt 417 nghìn tỷ đồng, tăng 33.5% so với tuần trước.

Xét theo từng nhóm nhà đầu tư, hoạt động giao dịch ở nhóm cá nhân trong nước và nhóm tổ chức trong nước đều tăng mạnh, với mức tăng lần lượt là 42.6% và 41.5% so với tuần liền trước.

Hoạt động giao dịch tự doanh

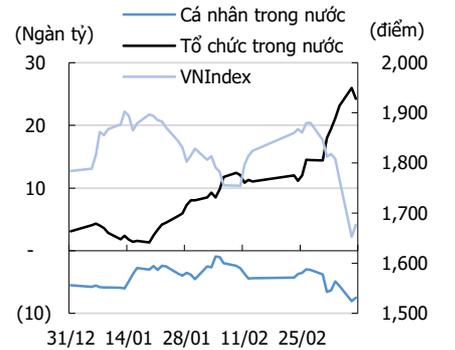
Nhóm tự doanh tiếp tục duy trì vị thế bán ròng mạnh, với tổng giá trị lên đến 1.0 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, các mã bị rút vốn nhiều nhất, bao gồm FPT (-307 tỷ đồng), TCB (-288 tỷ đồng), MSN (-107 tỷ đồng), PVD (-105 tỷ đồng) và GMD (-97 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, các mã thu hút lượng vốn vào phần lớn tập trung ở HPG (+202 tỷ đồng), MWG (+176 tỷ đồng), VIX (+93 tỷ đồng), DGC (+63 tỷ đồng) và PLX (+48 tỷ đồng).

Hoạt động giao dịch khối ngoại

Trong tuần vừa qua, nhóm khối ngoại đánh dấu chuỗi hai tuần liên tiếp bán ròng. Cụ thể, tổng giá trị bán ròng lên đến 6.1 nghìn tỷ đồng, tăng 29.7% so với tuần trước đó.

Trong đó, áp lực bán diễn ra chủ yếu ở các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT (-1.6 nghìn tỷ đồng), VHM (-877 tỷ đồng), POW (-730 tỷ đồng), VIC (-473 tỷ đồng) và STB (-408 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, dòng tiền chủ yếu đến từ DCM (+436 tỷ đồng), KDH (+255 tỷ đồng), VCI (+217 tỷ đồng), PNJ (+171 tỷ đồng) và DPM (+143 tỷ đồng).

Hình 1. Giá trị tích lũy ròng



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

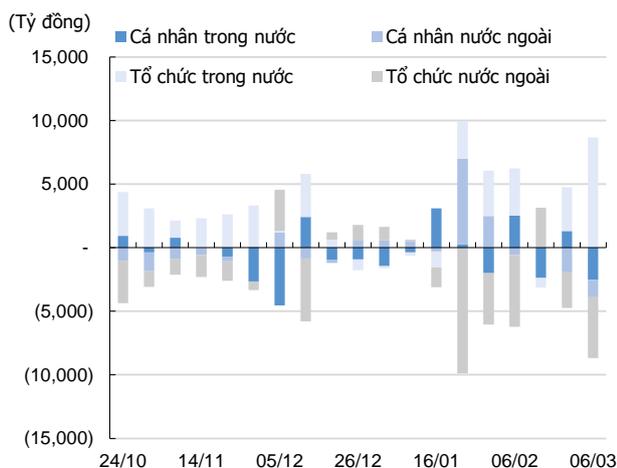
Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD
Cá nhân nước ngoài	69.4	242.3	772.6	1,561.5	64.6	230.5	751.1	1,517.8	4.8	11.8	21.5	43.6
Cá nhân trong nước	66.4	234.9	756.4	1,574.0	67.6	239.9	761.9	1,556.7	(1.1)	(5.1)	(5.5)	17.3
Tổ chức nước ngoài	11.2	49.6	151.4	277.2	14.4	53.1	174.0	327.2	(3.2)	(3.5)	(22.6)	(50.1)
Tổ chức trong nước	5.0	18.3	79.2	150.7	5.5	21.6	72.6	161.6	(0.5)	(3.3)	6.6	(10.9)
Tự doanh	4.4	19.9	69.8	133.4	5.3	22.5	69.2	132.2	(0.9)	(2.6)	0.6	1.3

Nguồn: FiinproX, KIS Research

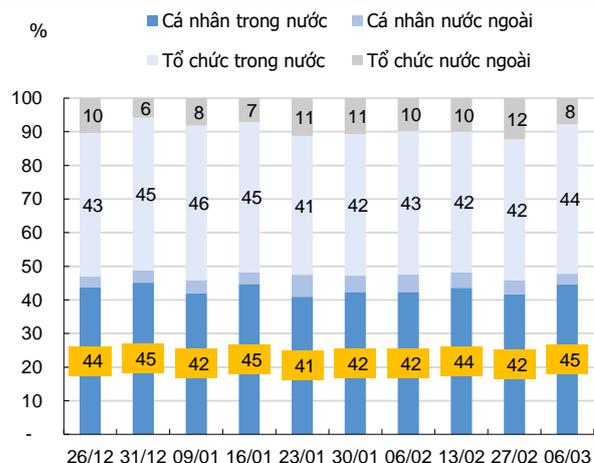
Research Dept
Researchdept@kis.vn

Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



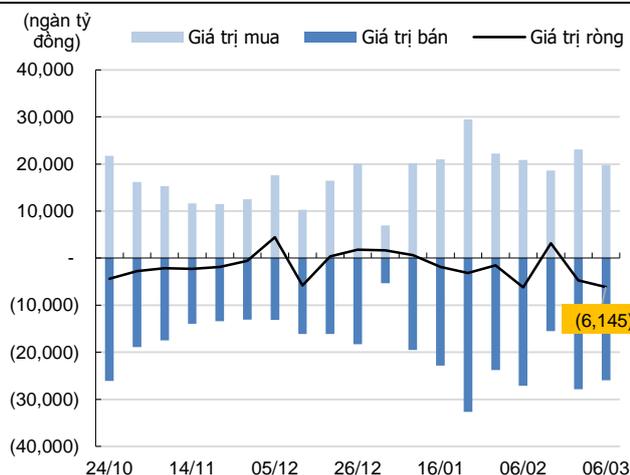
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



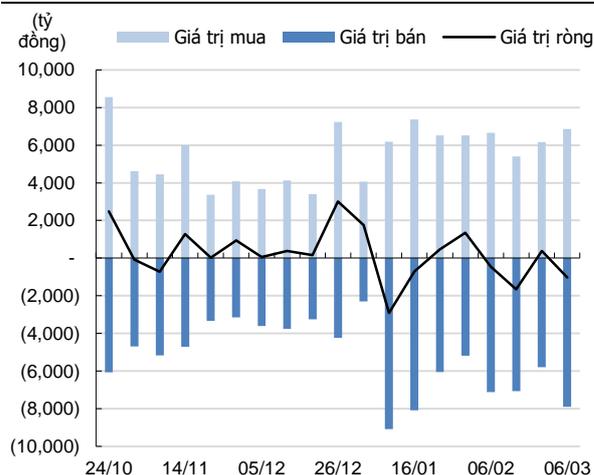
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài



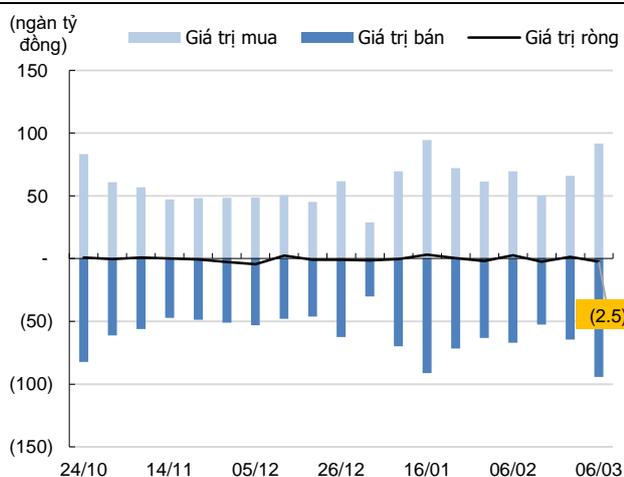
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 5. Giao dịch tự doanh



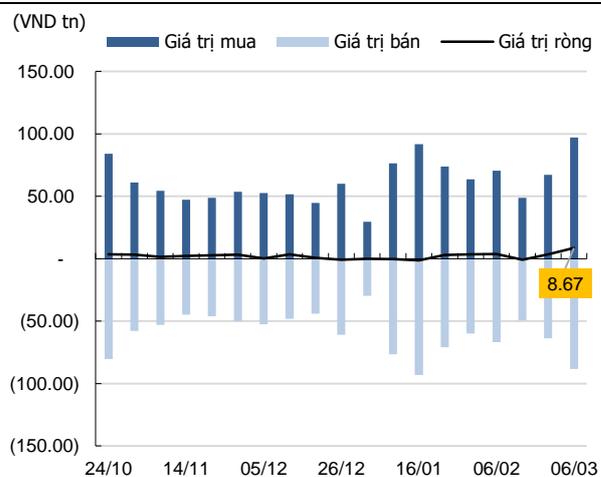
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước



Nguồn Bloomberg, FiinPro, KIS

Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
POW	Tiền ịch Cộng đồng	0.3	2,385.3	(1,823.4)	561.9
VPX	Tài chính	(2.5)	416.3	(126.8)	289.5
TCB	Ngân hàng	(13.2)	1,381.3	(1,115.2)	266.0
SHB	Ngân hàng	(3.4)	2,673.0	(2,455.9)	217.0
HPG	Nguyên vật liệu	(5.4)	3,730.5	(3,553.2)	177.4
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	3,391.8	(3,224.0)	167.8
PLX	Dầu khí	7.3	2,118.4	(1,962.6)	155.8
GVR	Nguyên vật liệu	(5.6)	1,165.4	(1,032.4)	133.0
VND	Tài chính	(2.9)	916.2	(783.4)	132.8
EVF	Tài chính	(1.4)	688.7	(559.8)	128.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	(9.0)	1,078.6	(3,264.4)	(2,185.7)
SSI	Tài chính	(2.8)	6,789.4	(7,072.6)	(283.2)
VPB	Ngân hàng	(7.9)	1,347.5	(1,616.5)	(269.0)
VCI	Tài chính	(1.3)	2,596.9	(2,826.6)	(229.7)
GEE	Công nghiệp	(13.0)	623.6	(849.2)	(225.6)
DCM	Nguyên vật liệu	15.3	896.8	(1,114.4)	(217.6)
BID	Ngân hàng	(9.1)	1,041.2	(1,255.5)	(214.3)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(8.5)	1,329.0	(1,537.3)	(208.3)
PVT	Công nghiệp	27.7	1,176.9	(1,383.0)	(206.1)
TPB	Ngân hàng	(8.4)	785.4	(979.3)	(193.9)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	(9.0)	4,404.1	(1,745.1)	2,659.0
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	5,139.2	(3,649.7)	1,489.4
VHM	Tài chính	(12.0)	2,683.9	(1,681.3)	1,002.6
VNM	Hàng Tiêu dùng	(8.5)	2,026.1	(1,457.4)	568.7
STB	Ngân hàng	(2.6)	2,469.7	(2,022.1)	447.7
SSI	Tài chính	(2.8)	5,356.0	(4,953.2)	402.7
CTG	Ngân hàng	(6.8)	1,648.1	(1,318.6)	329.5
GEE	Công nghiệp	(13.0)	429.4	(176.0)	253.4
VCB	Ngân hàng	(5.1)	1,555.8	(1,322.3)	233.5
TPB	Ngân hàng	(8.4)	1,337.1	(1,110.2)	226.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VPX	Tài chính	(2.5)	296.2	(566.4)	(270.2)
KDH	Tài chính	(5.7)	214.0	(450.3)	(236.3)
DCM	Nguyên vật liệu	15.3	832.5	(1,051.0)	(218.6)
TCB	Ngân hàng	(13.2)	2,197.2	(2,354.8)	(157.6)
EVF	Tài chính	(1.4)	417.0	(558.7)	(141.7)
SHB	Ngân hàng	(3.4)	3,121.5	(3,252.7)	(131.2)
VND	Tài chính	(2.9)	843.8	(944.5)	(100.7)
MSB	Ngân hàng	(4.9)	204.4	(301.2)	(96.8)
DPM	Nguyên vật liệu	12.9	1,269.2	(1,365.2)	(96.0)
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	(11.0)	726.8	(821.4)	(94.6)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
DCM	Nguyên vật liệu	15.3	569.1	(102.3)	466.8
KDH	Tài chính	(5.7)	338.9	(141.8)	197.1
HPG	Nguyên vật liệu	(5.4)	917.9	(730.7)	187.2
PNJ	Hàng Tiêu dùng	(6.1)	341.2	(157.7)	183.6
BID	Ngân hàng	(9.1)	271.5	(122.5)	149.0
HCM	Tài chính	(3.7)	153.0	(69.9)	83.2
PHR	Nguyên vật liệu	(3.0)	114.9	(44.5)	70.5
BVH	Tài chính	(5.5)	88.2	(24.7)	63.5
PVT	Công nghiệp	27.7	241.3	(179.4)	62.0
VCI	Tài chính	(1.3)	235.0	(175.5)	59.5

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	481.8	(1,842.2)	(1,360.4)
VHM	Tài chính	(12.0)	458.6	(1,257.2)	(798.6)
POW	Tiền ịch Cộng đồng	0.3	124.9	(860.1)	(735.2)
VIC	Tài chính	(9.0)	536.0	(938.1)	(402.1)
STB	Ngân hàng	(2.6)	346.2	(703.1)	(356.8)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(8.5)	484.8	(778.0)	(293.2)
BSR	Dầu khí	18.8	442.8	(679.9)	(237.0)
PLX	Dầu khí	7.3	193.4	(400.1)	(206.6)
ACB	Ngân hàng	(5.1)	157.8	(354.3)	(196.6)
PVD	Dầu khí	9.6	111.4	(258.3)	(146.9)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(11.2)	287.0	(121.6)	165.4
VCI	Tài chính	(1.3)	236.8	(79.0)	157.8
VPB	Ngân hàng	(7.9)	415.9	(261.1)	154.8
DPM	Nguyên vật liệu	12.9	124.8	(39.9)	84.9
PVT	Công nghiệp	27.7	163.7	(89.9)	73.8
GAS	Tiện ích Cộng đồng	3.9	67.7	(2.0)	65.7
PC1	Công nghiệp	(6.6)	110.9	(50.1)	60.8
KDH	Tài chính	(5.7)	116.6	(58.2)	58.4
DGW	Dịch vụ Tiêu dùng	(12.6)	76.0	(24.1)	51.9
MSN	Hàng Tiêu dùng	(7.2)	134.8	(94.8)	40.0

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	(5.4)	179.6	(651.8)	(472.2)
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	207.6	(504.4)	(296.8)
VCB	Ngân hàng	(5.1)	105.5	(274.2)	(168.8)
PLX	Dầu khí	7.3	6.7	(111.0)	(104.3)
PVD	Dầu khí	9.6	35.8	(130.3)	(94.5)
VCK	Tài chính	(1.9)	26.2	(106.8)	(80.7)
VHM	Tài chính	(12.0)	308.8	(387.5)	(78.7)
SSI	Tài chính	(2.8)	37.0	(111.0)	(74.0)
SHB	Ngân hàng	(3.4)	50.1	(123.3)	(73.1)
GEX	Công nghiệp	(10.0)	71.5	(144.3)	(72.8)

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
DCM	Nguyên vật liệu	15.3	608.4	(172.3)	436.2
KDH	Tài chính	(5.7)	455.5	(200.0)	255.5
VCI	Tài chính	(1.3)	471.8	(254.5)	217.3
PNJ	Hàng Tiêu dùng	(6.1)	424.3	(252.5)	171.8
DPM	Nguyên vật liệu	12.9	259.8	(116.4)	143.4
PVT	Công nghiệp	27.7	405.0	(269.3)	135.7
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(11.2)	1,114.1	(983.4)	130.7
HCM	Tài chính	(3.7)	200.6	(88.2)	112.4
BID	Ngân hàng	(9.1)	276.1	(164.8)	111.2
DGW	Dịch vụ Tiêu dùng	(12.6)	207.1	(96.6)	110.5

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	689.4	(2,346.6)	(1,657.2)
VHM	Tài chính	(12.0)	767.4	(1,644.7)	(877.3)
POW	Tiện ích Cộng đồng	0.3	200.9	(931.5)	(730.6)
VIC	Tài chính	(9.0)	869.1	(1,342.5)	(473.3)
STB	Ngân hàng	(2.6)	621.3	(1,029.8)	(408.6)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(8.5)	609.6	(970.0)	(360.4)
PLX	Dầu khí	7.3	200.2	(511.1)	(310.9)
HPG	Nguyên vật liệu	(5.4)	1,097.5	(1,382.5)	(285.0)
PVD	Dầu khí	9.6	147.2	(388.6)	(241.4)
VCB	Ngân hàng	(5.1)	353.0	(567.0)	(214.0)

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Bảng 12. CP mua ròng của tự doanh theo sàn (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	(5.4)	774.3	(571.9)	202.5
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(11.2)	856.7	(679.9)	176.8
VIX	Tài chính	(7.1)	162.9	(69.6)	93.3
DGC	Nguyên vật liệu	(0.9)	102.5	(38.8)	63.7
PLX	Dầu khí	7.3	60.5	(12.2)	48.3
E1VFN30	Tài chính	(6.3)	135.6	(94.7)	40.9
GAS	Tiện ích Cộng đồng	3.9	58.8	(22.5)	36.4
STB	Ngân hàng	(2.6)	385.9	(351.8)	34.1
KBC	Tài chính	(9.3)	35.9	(4.1)	31.8
SSI	Tài chính	(2.8)	276.7	(250.6)	26.1

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Bảng 13. Top 5 CP mua/bán của ròng tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(12.2)	449.7	(756.8)	(307.1)
TCB	Ngân hàng	(13.2)	291.9	(580.2)	(288.4)
MSN	Hàng Tiêu dùng	(7.2)	199.0	(306.6)	(107.6)
PVD	Dầu khí	9.6	23.0	(128.4)	(105.4)
GMD	Công nghiệp	(7.6)	40.7	(138.3)	(97.6)
KDH	Tài chính	(5.7)	2.8	(99.6)	(96.8)
GVR	Nguyên vật liệu	(5.6)	7.2	(89.5)	(82.4)
SHB	Ngân hàng	(3.4)	72.7	(154.3)	(81.5)
HAH	Công nghiệp	0.3	6.6	(85.3)	(78.7)
ACB	Ngân hàng	(5.1)	236.4	(313.5)	(77.1)

Nguồn: FiiproX, KIS Research

Global Disclaimer

■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

■ Country-specific disclaimer

United States: This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

United Kingdom: This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

Hong Kong: This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

Singapore: This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2026 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.